

Bản án số: **272/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/5/2026
V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Văn Đức**

Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Mỹ Thương**- Thư ký TAND Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Ny**- Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 46-01/2026/QĐST-HPT ngày 24/4/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1966; CCCD số: 048066002368 ngày cấp: 25/3/2022. Địa chỉ: Tổ 16, phường A, TP. Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1970; CCCD số: 052170004317 ngày cấp 13/7/2024. Địa chỉ: Số 746 đường Ngô Quyền, phường A, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1989, nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng (nay là phường H, Tp Đà Nẵng). Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại tổ 16 HA phường A, thành phố Đà Nẵng. Chung sống được một thời gian thì giữa vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của ông Hùng đối với bà Nguyễn Thị T không còn, do đó ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Ngọc H xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thảo V- Sinh ngày: 15/8/1990; Nguyễn Ngọc Khánh C- Sinh ngày: 10/4/2006 và Nguyễn Ngọc Đoan T- Sinh ngày: 23/12/2007. Do các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc H xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc H xác định không có.

* Đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị T: Mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của bà về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn bà Nguyễn Thị T không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Ngọc H xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thảo V- Sinh ngày: 15/8/1990; Nguyễn Ngọc Khánh C- Sinh ngày: 10/4/2006 và Nguyễn Ngọc Đoan T- Sinh ngày: 23/12/2007. Hiện các cháu đã trưởng thành và phát triển bình thường, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc H xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc H xác định không có.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này, nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1989, nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng (nay là phường H, Tp Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 106, cấp ngày 31/10/2011. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại tổ 16 HA, phường A, thành phố Đà Nẵng. Chung sống được một thời gian thì giữa vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông Nguyễn Ngọc H xác định không còn yêu thương bà Nguyễn Thị T nữa, bà xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng gia đình. Qua xác minh tại địa phương thì được biết hiện tại ông Hùng và bà Thanh không còn chung sống với nhau. Về phía bà Nguyễn Thị T, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy bà Nguyễn Thị T không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Ông Nguyễn Ngọc H xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thảo V- Sinh ngày: 15/8/1990; Nguyễn Ngọc Khánh C- Sinh ngày: 10/4/2006 và Nguyễn Ngọc Đoàn T- Sinh ngày: 23/12/2007. Hiện các cháu đã trưởng thành và phát triển bình thường, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] **Về tài sản chung:** Ông Nguyễn Ngọc H xác định không có.

[5] **Về nợ chung:** Ông Nguyễn Ngọc H xác định không có.

Bà Nguyễn Thị T vắng mặt nên không ghi nhận được kiến của ông về tài sản chung và nợ chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T nên giấy chứng nhận kết hôn 106, do UBND phường P, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng (nay là phường H, Tp Đà Nẵng) cấp cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T ngày 31/10/2011 không còn giá trị pháp lý.

2. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Ngọc H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Ngọc H đã nộp tại biên lai thu số 0000931 ngày 27/01/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Đà Nẵng. Ông Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 2- Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- UBND phường Hi;
- Lưu hồ sơ.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm